

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **304/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Ông Hà Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ THU T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố Tiên Rằm, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc - Vắng mặt (chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **PHẠM ANH T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **NGUYỄN THỊ THU T** trình bày: Tôi và anh **PHẠM ANH T** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 29 tháng 6 năm 2016. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2018 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm kinh tế.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra quá căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được, thực tế vợ chồng sống ly

thân từ cuối năm 2016 đến nay, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh PHẠM ANH T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và Anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và Anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và Anh T không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị T cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2016 ngày 29/6/2016 của UBND xã A (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cấp mang tên vợ NGUYỄN THỊ THU T và mang tên chồng PHẠM ANH T.

- 01 (Một) bản phô tô Căn cước công dân mang tên NGUYỄN THỊ THU T.

- 01 (Một) bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ NGUYỄN THỊ THU T.

Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của Anh T được biết: Anh T và chị T là vợ chồng, Anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 16, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị NGUYỄN THỊ THU T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Tiên Rằm, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn Anh T chị T về chung sống cùng bố mẹ đẻ ra Anh T một thời gian sau đó vợ chồng Anh T chị T về tỉnh Vĩnh Phúc để làm ăn, nên tình cảm vợ chồng như thế nào địa phương không biết. Hiện nay Anh T đi đâu, làm gì tổ không nắm được, nhưng thi thoảng Anh T có về địa phương vào những ngày Lễ, Tết hoặc gia đình có việc. Nay chị T xin ly hôn với Anh T, địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị T đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NGUYỄN THỊ THU T được ly hôn với anh PHẠM ANH T.
 - Về con chung chị T và Anh T không có, nên không xem xét giải quyết.
 - Về tài sản chung đương sự xác nhận không có, nên không xem xét giải quyết.
 - Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.
 - Chị T phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị NGUYỄN THỊ THU T và anh PHẠM ANH T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 29 tháng 6 năm 2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2018 do mâu thuẫn càng tăng, trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân. Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Anh T. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và Anh T có mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị T là được ly hôn với Anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung chị T và Anh T không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung đương sự không xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với Anh T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Anh T đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh được biết hiện nay Anh T không có mặt tại địa phương, Anh T hiện ở đâu, làm gì địa phương không biết. Do vậy, không lấy được ý kiến của Anh T và Anh T thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị T xin ly hôn với Anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị T và Anh T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** *Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NGUYỄN THỊ THU T được ly hôn với anh PHẠM ANH T.

2. Về án phí: - Chị NGUYỄN THỊ THU T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001123 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị NGUYỄN THỊ THU T đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh PHẠM ANH T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị NGUYỄN THỊ THU T và anh PHẠM ANH T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. An Tường (để biết);
- UBND TT. Hợp Hoà, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (để biết)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn